

## ÔN TẬP VỀ PHÂN SỐ VÀ SỐ THẬP PHÂN

HỌ VÀ TÊN HỌC SINH: .....

**Câu 1:** Làm tròn số thập phân 24,715 đến hàng phân mười ta được:

.....

**Câu 2:** Số thập phân 34 đơn vị 45 phần nghìn viết là:

.....

**Câu 3:** Chọn các phân số dưới đây vào nhóm thích hợp:

$$\frac{3}{10}$$

$$\frac{5}{7}$$

$$\frac{9}{20}$$

$$\frac{39}{100}$$

$$\frac{35}{80}$$

$$\frac{100}{75}$$

$$\frac{27}{1000}$$

| Phân số thập phân | Không thuộc phân số thập phân |
|-------------------|-------------------------------|
|                   |                               |

**Câu 4:** Nối hàng thích hợp cho số thập phân dưới đây:

|   |   |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 6 | 8 | 4 | , | 2 | 9 | 1 |
|---|---|---|---|---|---|---|

|              |              |                      |                      |                |                       |
|--------------|--------------|----------------------|----------------------|----------------|-----------------------|
| Hàng<br>chục | Hàng<br>trăm | Hàng<br>phần<br>mười | Hàng<br>phần<br>trăm | Hàng<br>đơn vị | Hàng<br>phần<br>nghìn |
|--------------|--------------|----------------------|----------------------|----------------|-----------------------|

a)  $4 \text{ km}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$

b)  $1000 \text{ ha} = \dots\dots\dots \text{ km}^2$

c)  $20.000 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ ha}$

d)  $35 \text{ ha} = \dots\dots\dots \text{ m}^2$

**Câu 6:** So sánh số thập phân

a)  $8,75 \dots\dots\dots 10,3$

b)  $51,07 \dots\dots\dots 51,6$

c)  $2,38 \dots\dots\dots 0,999$

d)  $0,197 \dots\dots\dots 0,21$

**Câu 7:** Đúng ghi Đ sai ghi S

a)  $1 \frac{7}{100} \frac{7}{100} = 1,07$

b)  $2 \frac{3}{1000} = 2,03$

**Câu 8:** Nối các cặp phân số thập phân và số thập phân bằng nhau:

**A**  $\frac{3258}{10}$

**B**  $\frac{3258}{100}$

**C**  $\frac{3258}{1000}$

**M** 32,58

**N** 3,258

**N** 325,8

**Câu 9:** Câu nào đúng, câu nào sai?

a) Số 2,22 gồm 2 trăm, 2 chục, 2 đơn vị

b) Số 1,64 gồm 1 đơn vị, 6 phần mười, 4 phần trăm

c) Số 68,375 gồm 6 chục 8 đơn vị, 3 phần mười, 5 phần nghìn

d) Số 47,86 gồm 4 nghìn, 7 trăm, 8 chục, 6 đơn vị